

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2021/DS-PT

Ngày 21-10-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Văn Thịnh

Bà Phạm Thị Hồng Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đăng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 8 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”;

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 74/2021/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2021, của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 192/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1982; cư trú tại: Số 75, đường T, khu phố NT, phường NS thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị L:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1985; cư trú tại: Khu phố NA, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L:* Luật sư Trần Thị T – Công ty luật TNHH X thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Chị Trần Bích N, sinh năm 1979 và anh Ngô Kỳ Sinh Nh, sinh năm 1974; cùng cư trú tại: Nhà 16, đường 3/2, Khu phố 2, Phường 3, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn*: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1987; cư trú tại: Số 171, khu phố HN, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo*: Chị Trần Bích N là bị đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – anh T1 có mặt, những đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 11 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Chị L có cho chị N vay số tiền tổng cộng là 350.000.000 đồng, cụ thể các lần vay như sau:

Lần 1: Vào ngày 03-7-2019, chị N vay số tiền 150.000.000 đồng.

Lần 2: Vào ngày 05-7-2019, chị N vay số tiền 100.000.000 đồng.

Lần 3: Vào ngày 12-7-2019, chị N vay số tiền 100.000.000 đồng.

Khi cho vay tiền hai bên thỏa thuận bằng lời nói, không có biên bản giao nhận tiền, không có người làm chứng; theo đó, thỏa thuận thời hạn trả vào tháng 10 năm 2019; lãi suất vay là 5%/tháng, chị N trả lãi được 5-6 tháng được khoảng 75.000.000 đồng. Mục đích chị N vay tiền là để sử dụng giải quyết việc gia đình, nhưng thực tế chị N nói mượn dùm cho “bà Lường”. Chị L chỉ cho mình chị N vay tiền, anh Nh không biết.

Đến thời hạn trả nợ, chị L yêu cầu chị N trả tiền nhiều lần nhưng chị N chưa trả. Chị L có yêu cầu chị N viết giấy chót nợ nhưng chị N không đồng ý nên chị L nhờ anh Lê Quốc H là bạn bè quen biết với chị L và chị N gọi điện và ghi âm lại cuộc thoại giữa anh H và chị N vào ngày 21-8-2020, chị N thừa nhận có vay của chị số tiền 350.000.000 đồng và cam kết sẽ có trách nhiệm trả cho chị L số tiền nợ này. Sau đó, tháng 10-2020, vợ chồng chị N tuyên bố không trả nợ cho chị L với lý do bà Lường trốn nợ.

Nay chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị N, anh Nh phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị số tiền vay gốc là 350.000.000 đồng, tiền lãi kể từ ngày 21-8-2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật và đồng ý khấu trừ 75.000.000 đồng tiền lãi mà chị L đã nhận.

Bị đơn, chị Trần Bích N và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Chị thừa nhận có vay của chị L nhiều lần với số tiền mỗi lần khác nhau, nhưng đã trả hết không còn nợ chị L số tiền nào. Nội dung trong file ghi âm có thể hiện việc chị nói còn nợ chị L 350.000.000 đồng vào thời gian nào chị N không nhớ nhưng sau đó đã trả đủ tiền cho chị L. Khi vay có thỏa thuận lãi suất là 100.000.000 đồng thì tiền lãi là 600.000 đồng/ngày, còn vay 350.000.000 đồng thì 2.100.000 đồng/ngày, chị có trả cho chị L 13 ngày tiền lãi là 27.300.000 đồng; mục đích vay tiền dùm cho người khác trả nợ ngân hàng, nhưng chị N là người có trách nhiệm trả tiền cho chị L. Chị N đã trả số tiền 350.000.000 đồng cho chị L, nhưng khi trả tiền không lập biên bản giao nhận tiền, không có người làm chứng, không nhớ thời gian trả tiền.

Chị thừa nhận file ghi âm cuộc thoại giữa chị và anh H ngày 21.8.2020 mà chị L cung cấp cho Tòa án là có thật, giọng nói trong file ghi âm này là của chị và anh Lê Quốc H.

Chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L vì chị không còn nợ chị L số tiền 350.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của chị N trình bày: Trước đây giữa chị N và chị L có qua lại tiền bạc, chỉ mượn không có lãi, chứ không phải vay, không có giấy tờ gì, đã chấm dứt từ năm 2016. File ghi âm không thể hiện rõ ràng việc chị N có vay tiền của chị L. Chị L cho rằng chị N vay tiền thì phải có chứng cứ là giấy giao tiền. Cuộc gọi được ghi âm không phải do chị L gọi cho chị N. Người tên Linh được nhắc trong file ghi âm không chắc chắn là nguyên đơn vì bị đơn quen nhiều người tên Linh. Do đó, không đủ cơ sở cho rằng file ghi âm nguyên đơn cung cấp là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn, anh Ngô Kỳ Sinh Nh trình bày: Anh là chồng của chị N, anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L vì anh không vay tiền của chị L, anh thống nhất với lời trình bày của chị N.

Người làm chứng, anh Lê Quốc H trình bày: Anh không có quan hệ họ hàng gì với chị L, anh Nh, chị N; chỉ quen biết qua làm ăn. Do chị N không thừa nhận có vay tiền của chị L nên chị L có nhờ anh gọi điện thoại cho chị N để hỏi số về tiền vay 350.000.000 đồng. Vì vậy, vào ngày 21-8-2020, anh có gọi điện thoại cho chị N và ghi âm lại cuộc thoại này, chị N thừa nhận có nợ của chị L số tiền là 350.000.000 đồng.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 74/2021/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2021, của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L đối với chị Trần Bích N về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Trần Bích N có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 305.029.650 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L đối với anh Ngô Kỳ Sinh Nh về trách nhiệm liên đới cùng chị Trần Bích N trả tiền nợ vay.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 14-7-2021, chị Trần Bích N kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án với lý do Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá chứng cứ không toàn diện, khách quan nội dung của vụ án, chưa làm rõ các chứng cứ của vụ án, yêu cầu nguyên đơn cung cấp những nội dung cần thiết để chứng minh bị đơn là người nợ nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Trần Bích N, anh Ngô Kỳ Sinh Nh trả số tiền vay 350.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Do việc vay tiền không làm giấy tờ, chỉ giao dịch bằng lời nói nên khi khởi kiện, chị L gửi kèm tài liệu, chứng cứ là file (tập tin) ghi âm có nội dung chị N thừa nhận có nợ chị L số tiền nêu trên chưa trả.

[3] Quá trình thu thập chứng cứ, ngày 16-12-2020, chị N được tiếp cận chứng cứ do chị L cung cấp là file ghi âm nói trên, tại biên bản lấy lời khai bút lục số 36, chị N thừa nhận toàn bộ nội dung trong file ghi âm, không phản đối vấn đề nào. Chị N xác định số tiền vay này chị đã trả xong cho chị L nhưng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh việc trả tiền cho chị L.

[4] Sau khi ủy quyền cho anh T1 đại diện tham gia tố tụng, người đại diện thay đổi lời khai, cho rằng người tên “Linh” được nhắc đến trong file ghi âm không phải là nguyên đơn, file ghi âm không phải do nguyên đơn thực hiện mà do người khác thực hiện nên không có giá trị mà nguyên đơn phải cung cấp được giấy nợ, giữa 2 bên chỉ có giao dịch mượn tiền, không phải vay tiền và đã chấm dứt từ năm 2017.

[5] Xét thấy, hợp đồng vay tài sản là loại giao dịch dân sự mà pháp luật không bắt buộc phải lập thành văn bản, chị L và chị N đều thừa nhận chỉ giao dịch bằng lời nói là phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự. Chị N thừa nhận có vay tiền chị L với số tiền 350.000.000 đồng, không nhớ rõ thời gian vay tiền nhưng xác định rõ việc vay có thời hạn 10 ngày và có thỏa thuận trả lãi. Lời thừa nhận của chị N là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Chị L khởi kiện cho rằng chị N chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhưng chị N cho rằng đã thực hiện xong, tuy nhiên chị L không thừa nhận, chị N không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh đã trả xong cho chị L số tiền 350.000.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Xét tài liệu chứng cứ là file ghi âm do nguyên đơn cung cấp: Người đại diện cho chị N không thừa nhận nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, cụ thể: Không thừa nhận người tên “Linh” được nhắc trong file ghi âm là nguyên đơn nhưng không xác định được là người nào. Mặt khác, người làm chứng là anh H cũng xác định người được anh và chị N nhắc tới trong cuộc thoại chính là nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Mỹ L. Do đó, có đủ cơ sở xác định giá trị chứng minh của file ghi âm này.

[8] Về tiền lãi chậm thi hành án: Cấp sơ thẩm tuyên chưa chính xác, đây là hợp đồng vay có lãi và có kỳ hạn, căn cứ hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm” thì người phải thi hành án phải chịu lãi chậm trả kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Cấp sơ thẩm tuyên thời gian chịu lãi kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu là

chưa chính xác. Cấp phúc thẩm điều chỉnh lại, mà không cần sửa án sơ thẩm, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[10] Về án phí phúc thẩm dân sự: Kháng cáo của chị N không được chấp nhận nên phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 357, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chị Trần Bích N.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm, có điều chỉnh phần lãi suất chậm thi hành án.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L đối với chị Trần Bích N về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Trần Bích N có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ L số tiền **305.029.650 (ba trăm lẻ năm triệu, không trăm hai mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi) đồng.**

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L đối với anh Ngô Kỳ Sinh Nh về trách nhiệm liên đới cùng chị Trần Bích N trả tiền nợ vay.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Mỹ L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị L số tiền tạm ứng án phí 8.750.000 (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0000827 ngày 06-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Chị Trần Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.251.482 (mười lăm triệu, hai trăm năm mươi một nghìn, bốn trăm tám mươi hai) đồng.

Anh Ngô Kỳ Sinh Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trần Bích N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm dân sự đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0001597 ngày 05-8-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, chị N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- TAND thành phố TN;
- Chi cục THADS thành phố TN;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai

